

25/2/92

BỘ Y TẾ

CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP BỘ

**ĐIỀU TRA DỊCH TỄ HỌC
BỆNH MẮT HỘT VÀ MỘT SỐ BỆNH VỀ MẮT**

1338

VIỆN MẮT
1990

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập Tự do Hạnh phúc

TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI

- . Tên đề tài : ĐIỀU TRA DỊCH TỄ HỌC BỆNH MẮT HỘT VÀ MỘT SỐ BỆNH MẮT "
- . Cơ quan quản lý : Bộ Y Tế
- . Cơ quan thực hiện đề tài : Viện Mắt
- . Cố vấn đề tài : Giáo sư Nguyễn trọng Nhân
- . Chủ nhiệm đề tài BS Vũ công Long - Phòng Chỉ đạo Chuyên Khoa - Viện Mắt
- . Cộng tác viên :
 - GS Nguyễn duy Tân - Khoa Mắt hột - Giác Mạc - Viện Mắt
 - BS Nguyễn Chí Dũng - Phòng Chỉ đạo Chuyên Khoa Viện Mắt
 - BS Nguyễn công Khẩn - Viện Dinh Dưỡng
 - BS Nguyễn đăng Hoàn : Phòng Thống kê - Vụ Kế hoạch Bộ Y Tế
 - BS Nguyễn đình Thường : Phòng Vi Tính Vụ Kế Hạch - Bộ Y Tế
 - Trạm Mắt các tỉnh : Hanamninh - Thái Bình
Hậu Giang - Tiền Giang
Hàiphong - Khánh Hòa
Nghệ Tĩnh - Tp Hồ Chí Minh

M U C L U C

Phần một

I. Mục đích	Trang 1
II. Tổ chức điều tra	Trang 1
A. Phạm vi điều tra	-
B. Phương pháp chọn mẫu	Trang 2
C. Nội dung điều tra	-
D. Những việc cần chuẩn bị	-
E. Triển khai việc điều tra	-
F. Thời gian điều tra	-

Phần hai

Các tiêu chuẩn chuyên môn dùng trong điều tra

I. Điều tra tình hình thị lực và mù lòa	Trang 4
II. Điều tra bệnh mắt hột	
A. Tiêu chuẩn chẩn đoán xác định	Trang 5
B. Phân loại bệnh	-
C. Mức độ trầm trọng	-
1. Quy định vùng đánh giá tổn thương	-
2. Đánh giá mức độ tổn thương (qui định các ký hiệu mốc)	-
3. Cách đánh giá	Trang 6
III. Điều tra bệnh đục thể thủy tinh	Trang 7
Các tiêu chuẩn chẩn đoán	
IV. Điều tra bệnh khô mắt trẻ em do thiếu Vitamin A	-
A. Tiêu chuẩn chẩn đoán	
B. Hình thức tổ chức điều tra	Trang 8
V. Điều tra bệnh glôcôm	
A. Đối tượng điều tra	-
B. Cách khám phát hiện	Trang 9
VI. Điều tra bệnh mộng thị	
A. Yêu cầu điều tra	-
B. Cách ghi chép	-
VII. Điều tra tình hình chấn thương vào mắt	
A. Cách khám phát hiện bệnh	-
B. Cách phân loại	-

Phần ba
Kết quả điều tra

I. Một số tài liệu chung	
A. Số tỉnh điều tra	Trang 11
B. Số người điều tra	
1. Số điều tra phân theo giới, tuổi	-
2. Số điều tra phân theo trình độ văn hóa	-
3. Số điều tra phân theo nghề nghiệp và mức thu nhập.	Trang 12
C. Kết quả điều tra bệnh tật nói chung	Trang 13
II. Về tình hình thị lực và mù lòa	Trang 14
A. Các bảng thống kê	
1. Tình hình thị lực (bảng 1)	Trang 15
2. Tình hình khúc xạ	-
3. Tình hình thị lực theo giới	Trang 16
4. Tình hình khúc xạ theo giới	-
5. Mù và giảm thị lực theo tuổi	Trang 17
6. Nguyên nhân giảm thị lực	Trang 18
7. Nguyên nhân mù	Trang 19
8. Tình hình giảm thị lực và mù theo trình độ văn hóa	Trang 19
B. Các biểu đồ thống kê	
1. Tình hình thị lực nói chung	Trang 20
2. Tình hình khúc xạ	-
3. Tình hình giảm thị lực và mù theo giới	Trang 21
4. Nguyên nhân gây giảm thị lực	Trang 22
5. Nguyên nhân gây mù	Trang 23
III. Về tình hình bệnh mắt hột	
A. Các bảng thống kê	
1. Tình hình bệnh mắt hột	Trang 25
2. Tình hình lông xiêu lông quặm tính theo MH hoạt tính	-
3. Tình hình trầm trọng của bệnh	-
4. Mắt hột hoạt tính theo vùng địa lý	Trang 26
5. Mắt hột h/tính phân theo lứa tuổi	-
6. Mắt hột h/tính so sánh với người bị bệnh trong cùng tỉnh	-

7. Mất hột phân bố theo giới	Trang 27
8. Mất hột phân bố theo mức sống	-
B. Một số bảng thống kê	
1. Bệnh mất hột(4 thời kỳ)	Trang 28
2. Tình hình lông xiêu-lông quặm	-
3. Tình hình mất hột và lông xiêu lông quặm theo giới	Trang 29
4. Bệnh mất hột theo vùng địa lý	Trang 30
5. Bệnh mất hột liên quan đến mức sống	Trang 31
6. Mức trầm trọng của bệnh mất hột	-
IV. Tình hình bệnh đục thể thủy tinh	Trang 33
A. Một số bảng thống kê	
1. Tình hình đục thể thủy tinh chung	Trang 33
2. Tình hình đục thể thủy tinh theo nguyên nhân	-
3. Tình hình đục thể thủy tinh theo tuổi: cục bộ	Trang 34
toàn bộ	Trang 35
4. Tình hình đục thể thủy tinh theo giới	-
5. Tình hình đục thể thủy tinh phân bố theo vùng địa lý sinh thái	Trang 36
6. Kết quả xử trí	-
B. Một số biểu đồ thống kê	
1. Đục thể thủy tinh nói chung	Trang 37
2. Đục thể thủy tinh theo nguyên nhân	-
3. Đục thể thủy tinh theo :	
- vùng sinh thái	Trang 40
- 2 miền Bắc - Nam	Trang 40
4. Đục thể thủy tinh theo giới	Trang 39
5. Đục thể thủy tinh theo tuổi	-
6. Đục thể thủy tinh theo kết quả xử trí.	Trang 40

Phần bốn
Biện luận

I. Về tình hình thị lực và mù lòa	
A. Kết quả điều tra	Trang 54
B. Phân tích tình hình giảm thị lực và mù theo một số yếu tố dịch tễ	
1. Bệnh liên quan đến tuổi	Trang 55
2. Bệnh liên quan đến giới	-
3. Bệnh liên quan đến trình độ văn hóa	Trang 56
C. Các tật khúc xạ	-
D. Nguyên nhân gây mù lòa	
II. Về tình hình bệnh mắt hột	
A. Về lâm sàng	
1. Phân tích về lâm sàng	
a. Về số lượng	Trang 58
b. Về bệnh cảnh lâm sàng	-
c. Về mức độ trầm trọng	-
2. Phân tích theo một số yếu tố dịch tễ	Trang 59
a. Theo vùng địa lý	-
b. Theo giới	-
c. Về tuổi	Trang 60
3. Về một chiến lược phòng chống bệnh mắt hột	-
III. Về tình hình bệnh đục thể thủy tinh	
A. Về tình hình bệnh	Trang 63
1. Về loại bệnh	
2. Về tuổi	
3. Về giới	Trang 64
4. Về vùng địa lý	
5. Bệnh liên quan đến mức sống	Trang 65
6. Một số yếu tố đe dọa	Trang 67
B. Xử trí bệnh	Trang 68
IV. Bệnh khô mắt trẻ em do thiếu Vitamin A	
A. Về tình hình bệnh nói chung	Trang 71
B. Tình hình bệnh do dinh dưỡng	
1. Tình hình bệnh ở các vùng sinh thái khác nhau	
2. Bệnh phân phối theo tuổi	-

3. Theo giới	Trang 71
4. Tình hình bệnh liên quan đến thức ăn tiêu thụ và giá trị dinh dưỡng	-
5. Bệnh với các yếu tố đe dọa	Trang 72 -
V. Một số bệnh khác của mắt	
A. Bệnh glôcôm	Trang 74
B. Bệnh mộng thịt	
1. Về tình hình bệnh	Trang 75
2. Bệnh liên quan đến một số yếu tố dịch tễ	-
C. Các chấn thương vào mắt	Trang 77
1. Tình hình chấn thương nói chung	-
2. Nguyên nhân gây chấn thương	-
3. Chấn thương theo yếu tố tuổi-giới	-
4. Hậu quả của chấn thương	
VI. Phương hướng hoạt động phòng chống mù lòa trong những năm tới	
A. Phương hướng giải quyết bệnh	Trang 80
B. Một số biện pháp chỉ đạo	-
1. Đối với bệnh đục thể thủy tinh	
Đối với bệnh mắt hột	Trang 81
3. Đối với bệnh khô mắt trẻ em do thiếu Vitamin A	-
4. Đối với các tật khúc xạ	-
5. Đối với các chấn thương vào mắt	-
6. Tuyên truyền giáo dục	-
VII. Kết luận chung	
VII. Tài liệu tham khảo	Trang 84

P H Ì N M Ộ T
T Ồ N G Q U A N

I. M Ụ C Đ Ị C H

Đ ể ch u ẩ n b ị b ư ớ c v ào k ế h o ả c h 5 n ă m l ầ n t h ứ V (1991 - 1995), V i ệ n M ắ t t h ấ y c ầ n p h ả i t ổ c h ứ c m ộ t c ư ộ c đ i ề u t r a n h ằ m m ụ c đ ị c h :

- A. n ắ m t ỉ n h h ì n h b ệ n h t ậ t v ề m ắ t h i ệ n n ă y .
- B. t r ê n c ơ s ố đ ó s ẽ đ ề x u ấ t r a p h ư ơ n g h ư ớ n g c h o h o ả t đ ộ n g p h ồ n g c h ố n g m ù l ồ a t r ồ n g n h ữ n g n ă m t ớ i .

C ồ n g v i ệ c đ i ề u t r a đ ư ợ c t i ế n h à n h d ướ i h ì n h t h ứ c m ộ t c ồ n g t r ì n h n g h i ệ n c ứ u k h o ả c h ọ c t r ê n q u i m ô t ồ a n q u ố c v ớ i t ê n d ướ i đ ầ y :

" Đ I Ề U T R A D Ị C H T Ế H Ọ C B Ệ N H M Ắ T H Ộ T V À M Ộ T S ố
B Ệ N H V Ề M Ắ T "

II. T Ồ C H Ứ C Đ I Ề U T R A

A. P h ả m v i đ i ề u t r a :

C ư ộ c đ i ề u t r a c ó t ỉ n h c h ấ t t ồ a n q u ố c n ề n c ả c đ i ể m đ i ề u t r a đ ư ợ c c h ọ n t h ê o l ă n h t h ố , v ù n g đ ị a l ý . 9 t ỉ n h d ướ i đ ầ y đ ă đ ư ợ c c h ọ n :

- T h á i B ỉ n h đ ạ i đ i ệ n c h o v ù n g đ ồ n g b ằ n g S ồ n g H ồ n g
- H ầ n ả m n ỉ n h đ ạ i đ i ệ n c h o v ù n g đ ồ n g b ằ n g S ồ n g H ồ n g
- H ậ u G i ả n g đ ạ i đ i ệ n c h o v ù n g đ ồ n g b ằ n g S ồ n g C ử u L ồ n g
- T i ề n G i ả n g đ ạ i đ i ệ n c h o v ù n g đ ồ n g b ằ n g S ồ n g C ử u L ồ n g
- N g h ệ T ỉ n h đ ạ i đ i ệ n c h o v ù n g b i ể n (B ắ c)
- K h ả n h H ồ a đ ạ i đ i ệ n c h o v ù n g b i ể n (N ả m)
- H ả i p h ồ n g đ ạ i đ i ệ n c h o v ù n g t h ầ n t h ị (B ắ c)
- T P H ồ C h ỉ M ỉ n h đ ạ i đ i ệ n c h o v ù n g t h ầ n t h ị (N ả m)

- Bắc Thái đại diện cho vùng núi

B. Phương pháp chọn mẫu

Trong mỗi tỉnh sẽ chọn 2.000 người theo như hướng dẫn của chuyên gia về thống kê chọn mẫu của Vụ Kế Hoạch (Bộ Y Tế) như sau :

- chọn nơi đã nắm được tình hình bệnh tật
- chọn nơi có khả năng tổ chức điều tra

Trong 1 tỉnh, có thể chọn 1 hay 2 Quận, huyện. Trong mỗi Quận, Huyện lại chọn lấy 1 - 2 xã. Trong mỗi xã, cách chọn như sau :

- lập danh sách các hộ điều tra, mỗi hộ có một số thứ tự. Dùng 1 bảng có sẵn trên đó nhiều hàng sắp thành cụm 5 hàng. Mỗi hàng có nhiều số (mã số) Ghi số thứ tự của từng hộ vào dưới 1 mã số, sau đó có thể chọn như sau : hoặc theo hàng ngang, hoặc theo hàng dọc hay hàng chéo. Có thể chọn toàn hàng hay trên 1 hàng, cách 1 số, 2 số hay 3 số chọn lấy 1 số. Những số chọn này là số điều tra. Ghi những số đó trên các phiếu điều tra, mỗi người trên 1 phiếu, điền đầy đủ các chi tiết theo yêu cầu đã ghi trên phiếu. Nếu tại 1 xã chưa chọn đủ số người điều tra thì lấy 1 xã nữa nhưng điều quan trọng là cách chọn ở các xã phải giống nhau, cùng theo 1 mã số. Chỉ có khác là bên cạnh mã số của xã đầu tiên ghi thêm chữ A, trên mã số của xã thứ hai, bên mã số ghi chữ B để phân biệt các điểm điều tra.

C. Nội dung điều tra

1. Về chuyên môn : điều tra tình hình thị lực - mù lòa và một số bệnh về mắt theo hướng dẫn
2. Về môi trường : điều tra về mối liên quan với tuổi, giới, địa lý, văn hóa, mức sống, môi trường, xã hội v.v..

D. Những việc cần chuẩn bị :

1. Xây dựng các tiêu chuẩn điều tra về chuyên môn - mẫu phiếu điều tra chuyển cho từng Khoa chuyên môn của Viện để góp ý kiến trước khi in.
2. Chuẩn bị các phương tiện điều tra: lúp đeo trán, lúp cầm tay, bảng thị lực vòng hồ Landolt, các thuốc cần thiết, đèn pin v.v..